TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-ST

Ngày: 18 -11- 2019

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đời và bà Vũ Thị Lệ Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 137/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2019/QĐST- DS ngày 30/10/2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S**; địa chỉ: Lầu 8, 266-268 N, phường 8, Quận 3, TP Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Huyền T, Chức vụ: Giám đốc Ngân Hàng TMCP S - Chi nhánh Sông Hàn, địa chỉ: 240 Nguyễn Hữu T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, theo văn bản ủy quyền số: 3961/2018/GUQ - PL ngày 10/12/2018. Ngày 12/8/2019, bà Trương Thị Huyền T ủy quyền lại cho bà Hà Thị V – Chức vụ: Phó Phòng Giám sát rủi ro - Ngân Hàng

TMCP S - Chi nhánh Sông Hàn, theo văn bản ủy quyền số 322/2019/GUQ-CNSH. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông **Phan Văn P**; sinh năm 1993, địa chỉ: K7/26 Lê Tấn T, phường T, quận S, Thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 10/9/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hà Thị V trình bày:*

Ngày 30/11/2016, ông Phan Văn P có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng), hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ vào thu nhập của ông P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 18.043.500 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.154.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/12/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 05/09/2019, ông Phan Văn P còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 12.035.799 đồng; Lãi quá hạn: 4.197.555 đồng. Tổng cộng: 16.233.354 đồng *(Mười sáu triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm năm mươi bốn đồng).*

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông P vân chưa thanh toán khản nợ vay quá hạn cho ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại hợp đồng đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 31/10/2019 ông Phan Văn P có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.700.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông P đã thanh toán cho Ngân hàng là: 16.854.000 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Phan Văn P phải thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử: 18/11/2019 là: 15.555.309 đồng *(Mười lăm triệu năm trăm năm mươi*

lăm nghìn ba trăm lẻ chín đồng). Trong đó nợ gốc: 10.335.799 đồng; nợ lãi: 5.219.510 đồng.

**** Bị đơn ông Phan Văn P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông P trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S với ông Phan Văn P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Ông Phan Văn P *(là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố)* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ông Phan Văn P có vay của Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ vào thu nhập của ông P, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 18.043.500 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.154.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/12/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 31/10/2019 ông Phan Văn P có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.700.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông P đã thanh toán cho Ngân hàng là: 16.854.000 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Phan Văn P phải thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử: 18/11/2019 là: 15.555.309 đồng *(Mười lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm lẻ chín đồng)*. Trong đó nợ gốc: 10.335.799 đồng; nợ lãi: 5.219.510 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 30/11/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với ông Phan Văn P trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phan Văn P đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm định kỳ trả nợ. Phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc để yêu cầu ông P thanh toán nợ nhưng đến nay ông P vẫn chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. HĐXX xét thấy ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 30/11/2016. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn P phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng cho vay kiêm Khê ước nhận nợ là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 nên cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bị đơn ông Phan Văn P phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Cụ thể số tiền ông Phan Văn P phải chịu là (15.555.309 đồng x 5%) = 777.765 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016;

- Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP S đối với ông Phan Văn P.

Xử:

1. Buộc ông Phan Văn P phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP S số tiền: 15.555.309 đồng *(Mười lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm lẻ chín đồng).* Trong đó nợ gốc: 10.335.799 đồng; nợ lãi: 5.219.510 đồng (lãi tạm tính đến ngày 18/11/2019) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/11/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 30/11/2016.

2. Án phí DS- ST: 777.765 đồng *(Bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng)* ông Phan Văn P phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 405.833 đồng *(Bốn trăm lẻ năm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 8114 ngày 17/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đông Thanh